

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 10/2019/HS - ST
Ngày: 26 - 02 - 2019

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG - TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hồng Minh;

Bà Đỗ Thị Hồng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2019/TLST-HS, ngày 21 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST - HS, ngày 15 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Q, sinh ngày 04/4/1985 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 18, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H; có vợ Đỗ Thị Thu D và hai con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/04/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 18/03/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 11/10/2011;

Ngày 10/05/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ra trại ngày 11/02/2015.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 13/11/2018 đến ngày 19/11/2018 chuyển tạm giam; “có mặt”.

2. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 14/10/1979 tại xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Xóm 11, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị T; có vợ Nguyễn Thị H và có một con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2010, bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Thành Phố Hà Nội xử phạt 25 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 6/7/2012.

Năm 2017, bị Công an huyện Xuân Trường xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, hình thức phạt tiền 1.000.000đ, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 13/11/2018 đến ngày 19/11/2018 chuyển tạm giam; “có mặt”.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị Đỗ Thị Kim D, sinh năm 1989, nơi cư trú: Xóm 18, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- *Người chứng kiến:*

Ông Trần Xuân Đ, sinh năm 1969, nơi cư trú: Xóm T, xã Mỹ T, huyện M, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 13/11/2018, Nguyễn Văn Q một mình điều khiển xe mô tô BKS: 18S3 - 5486 từ nhà đi xuống khu vực dốc Hoành Nha, xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định để tìm mua ma túy về sử dụng cho bản thân. Khi đi đến khu vực cầu Trạm y tế thuộc xóm 16, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định, Q gặp Nguyễn Văn T đang ngồi trên cầu, Q rủ T đi mua ma túy về cùng sử dụng, T đồng ý, lên ngồi sau xe của Q chở đi. Trên đường đi, như đã thỏa thuận từ trước, T đưa cho Q 100.000đ góp mua ma túy. Q cầm tiền và góp thêm 100.000đ nữa. Đến dốc Hoành Nha, T xuống xe đứng đợi còn Q cầm tiền, đi xe vào khu vực dân cư tìm mua ma túy. Quang gặp và mua của một người đàn ông lạ mặt, không quen biết 200.000đ được 02 gói nhỏ, ngoài gói bằng giấy báo, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng. Q xác định là Heroine, cầm vào trong lòng bàn tay trái rồi quay xe ra gặp T. Q báo với T là đã mua được ma túy rồi, T gật đầu đồng ý, lên xe cùng Q đi tìm nơi sử dụng. Khi đi đến khu vực xóm 5, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định thì bị lực lượng Công an huyện X, phát hiện có biểu hiện nghi vấn đã yêu cầu dừng xe kiểm tra Q tự giác giao nộp 02 gói nhỏ vừa mua được và khai nhận đều là Heroine, cùng T đi mua về để sử dụng. Lực lượng Công an đã mời người chứng kiến, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang,

niêm phong vật chứng trong phong bì ký hiệu M. Ngoài ra, còn thu giữ của Q chiếc xe mô tô BKS: 18S3 - 5486, thu giữ của T 01 điện thoại di động, màu cam, nhãn hiệu Masste, đều đã qua sử dụng.

Cùng ngày, Cơ quan Công an huyện X tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Q, T nhưng không thu giữ gì đồ vật, tài liệu gì.

Theo kết luận giám định số 953/GĐKTHS ngày 14/11/2018, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu chất bột dạng cục màu trắng được niêm phong ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy, loại chất: Heroine; khối lượng M: 0,410 gam.

Các bị cáo thừa nhận tính đúng đắn, khách quan của các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và khai nhận toàn bộ hành vi đã nêu; các bị cáo không có ý kiến gì về kết luận giám định.

Cáo trạng số 03/CT-VKS, ngày 18/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường luận tội, đánh giá, phân tích về hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T.

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 24 đến 27 tháng tù;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 21 đến 24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người nghiện ma túy, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tự bào chữa, tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo tỏ thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc kết tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết hợp với kết luận giám định về số Heroine thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 07 giờ ngày 13/11/2018, tại khu vực xóm 5, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,410 gam Heroine mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị Công an huyện X phát hiện bắt quả tang. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố các bị cáo ra phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước về các chất gây nghiện. Tính nguy hiểm của hành vi còn thể hiện ở chỗ: Tệ nạn ma túy đang là một vấn đề nhức nhối của xã hội, nó không chỉ huỷ hoại sức khỏe của người nghiện mà còn khiến nhiều gia đình rơi vào cảnh khánh kiệt, bần cùng; là nguyên nhân dẫn đến phạm tội và gây mất trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo Nguyễn Văn Q, bị cáo Nguyễn Văn T là những người có năng lực hành vi, nhận thức được việc mình làm. Các bị cáo đều là người nghiện ma túy, đã thấu hiểu về tác hại của ma túy, sự lên án của toàn xã hội đối với tệ nạn ma túy, song các bị cáo không chịu rèn luyện bản thân, từ bỏ ma túy mà vẫn phạm tội, cũng như các bị cáo có nhân thân xấu nên cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo thì mới tác dụng răn đe đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn Q là người khởi xướng, rủ bị cáo Nguyễn Văn T để cùng góp tiền đi mua ma túy về sử dụng nên bị cáo giữ vai trò đầu và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo T. Bị cáo T được bị cáo Q rủ đi mua ma túy về cùng sử dụng đã nhất trí và góp với bị cáo Q 100.000đ nên bị cáo T xếp vai trò sau Q.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Từ những phân tích trên, xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành

công dân có ích cho xã hội

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là người nghiện ma túy, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Số Heroine đã thu giữ của các bị cáo là vật Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với chiếc mô tô BKS: 18S3 - 5486 bị cáo Nguyễn Văn Q dùng để chở Nguyễn Văn T đi mua túy là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Xét chiếc xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Văn Q, chị Đỗ Thị Thu D. Khi bị cáo Q dùng làm phương tiện phạm tội thì chị D vợ Q không biết, không có lỗi nên Hội đồng xét xử sẽ trả lại chiếc xe này cho bị cáo Q và chị Đỗ Thị Thu D.

Đối với chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn T. Xét thấy, chiếc điện thoại này bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử sẽ trả lại cho bị cáo.

[9] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Q, bị cáo khai không biết tên tuổi, địa chỉ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không đủ cơ sở kết luận nên đã tách ra để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T;

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 27 (hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (13/11/2018).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 24 (hai mươi tư) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (13/11/2018).

2. Xử lý vật chứng, tài sản thu giữ: Căn cứ vào điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: Số Heroine trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 953/GĐKTHS, ngày 14/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định;

Trả lại chiếc xe mô tô BKS: 18S3 - 5486 cho bị cáo Nguyễn Văn Q và chị Đỗ Thị Thu D.

Trả lại 01 điện thoại di động cùng thẻ sim đã qua sử dụng cho bị cáo Nguyễn Văn T.

(Chi tiết vật chứng, tài sản thu giữ theo: Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 20/CCTHA ngày 24/01/2019 giữa Công an huyện X và Chi cục Thi hành án dân sự huyện X).

3. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Thu D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Công an huyện X;
- UBND xã X;
- UBND xã X;
- Các bị cáo;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Ngọc Long

